

DANH SÁCH CÁN BỘ VIÊN CHỨC VÀ LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG
ĐƯỢC HUY ĐỘNG THAM GIA CÔNG TÁC TUYỂN SINH ĐẠI HỌC
NĂM HỌC 2014 - 2015

TT	Họ và tên	Đơn vị
1	TS. Nguyễn Đức Nhâm	Bộ môn GDTC - GDQP
2	Ths. Nguyễn Khánh Hưng	- nt -
3	Ths. Phạm Văn Thường	- nt -
4	Ths. Hoàng Thị Bích Thuỷ	- nt -
5	ThS. Nhữ Văn Thuấn	- nt -
6	CN. Nguyễn Cẩm Vân	- nt -
7	CN. Nguyễn Trần Quý	- nt -
8	Ths. Nguyễn Thị Phương Mai	Bộ môn Hoá sinh
9	Ths. Phạm Thị Thu Trang	- nt -
10	Ths. Nguyễn Thị Phương Thảo	- nt -
11	CN. Mai Thị Thu Thủy	- nt -
12	KTV. Nguyễn Thị Bình	- nt -
13	TS. Vũ Thị Kim Loan	Bộ môn Hoá học
14	Ths. Nguyễn Thị Hương	- nt -
15	Ths. Bùi Ngọc Tân	- nt -
16	ThS. Nguyễn Thị Cúc	- nt -
17	TS. Nguyễn Văn Dưỡng	- nt -
18	KTV. Đồng Thị Mai	- nt -
19	KTV. Trần Thị Sơn	- nt -
20	Ths. Ngô Thanh Hường	- nt -
21	BS. Vũ Thị Nữ	Khoa Kỹ thuật y học
22	CN. Trần Minh Công	- nt -
23	CN. Trần Thị Phương Hạnh	- nt -
24	KTV. Vũ Trang Linh	- nt -
25	CN. Mạc Thị Tịnh	- nt -
26	ThS. Lê Hồng Thu	- nt -
27	CN. Nguyễn Văn Thanh	- nt -
28	Ths. Hoàng Thị Minh Hường	Bộ môn Lý luận chính trị
29	Ths. Nguyễn Tiến Trường	- nt -
30	Ths. Trịnh Thị Thuỷ	- nt -
31	ThS. Đinh Thị Mai Hương	- nt -
32	Ths. Trần Thị Thanh Loan	- nt -
33	Ths. Nguyễn Ngọc Mạnh	- nt -
34	Ths. Nguyễn Tiến Thắng	Bộ môn Toán tin
35	Ths. Đào Thu Hằng	- nt -

36	Ths. Nguyễn Thị Hạnh Dung	- nt -
37	Ths. Trần Thanh Vân	- nt -
38	KS. Đoàn Văn Thành	- nt -
39	Ths. Nguyễn Ngọc Tú	- nt -
40	ThS. Nguyễn Thị Chăm	- nt -
41	KTV. Nguyễn Thị Thu Huyền	- nt -
42	Ths. Trần Thị Hoà	Bộ môn Ngoại ngữ
43	Ths. Đào Thị Mỹ Hạnh	- nt -
44	Ths. Trịnh Thị Thu Trang	- nt -
45	Ths. Đồng Quỳnh Trang	- nt -
46	Ths. Lê Thị Hồng Duyên	- nt -
47	Ths. Cao Thị Phương Dung	- nt -
48	Ths. Bùi Thị ánh Tuyết	- nt -
49	Ths. Nguyễn Ngọc Toàn	- nt -
50	CN. Đỗ Phương Linh Chi	- nt -
51	Ths. Nguyễn Thị Trà Phương	- nt -
52	Ths. Phạm Bích Ngọc	- nt -
53	ThS. Trần Thị Hà Giang	- nt -
54	CN. Nguyễn Thị Hải Yến	- nt -
55	Ths. Nguyễn Phú Nghĩa	Bộ môn Y Vật lý
56	Ths. Phạm Thị Vân	- nt -
57	BS. Nguyễn Thị Hiền	- nt -
58	KTV. Tô Thị Hằng Nga	- nt -
59	KTV. Nguyễn Hồng Mạnh	- nt -
60	CN. Hà Thị Minh Tâm	- nt -
61	CNCĐ. Nguyễn Thị Chinh	- nt -
62	Ths. Nguyễn Thị Tươi	Bộ môn Sinh học - Di truyền
63	TS. Nguyễn Thị Quỳnh Thơ	- nt -
64	Ths. Lê Thị Thu Huyền	- nt -
65	ThS. Phạm Thị Hồng Thuý	- nt -
66	ThS. Vũ Thị Thơm	- nt -
67	KTV. Trần Văn Phương	- nt -
68	KTV. Bùi Văn Tú	- nt -
69	Ths. Nguyễn Thị Hải	- nt -
70	CN. Lê Hiền Giang	- nt -
71	GS.TS. Phạm Văn Thức	Bộ môn Dị ứng - MDLS
72	TS. Phạm Văn Linh	- nt -
73	KTV. Vũ Thị Xuân	- nt -
74	BS. Vũ Thị Hồng	- nt -
75	PGS. TS. Phạm Huy Quyến	Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch

76	BS. Phạm Thị Khuyên	- nt -
77	KTV. Phan Thị Bay	- nt -
78	KTV. Nguyễn Thị Mai Thanh	- nt -
79	Ths. Lê Thị Nhung	Khoa Điều dưỡng
80	KTV. Đỗ Như Quỳnh	- nt -
81	KTV. Đỗ Thị Phượng	- nt -
82	KTV. Đỗ Thị Hà Mi	- nt -
83	CN. Đỗ Thị Tuyết Mai	- nt -
84	CN. Hoàng Tuấn Anh	- nt -
85	TS. Thái Lan Anh	- nt -
86	Ths. Phạm Thị Thư	- nt -
87	KTV. Hoàng Thị Kim Huệ	- nt -
88	CN. Nguyễn Thị Phương	- nt -
89	CN. Nguyễn Thị Thu Hương	- nt -
90	ThS. Bùi Thị Thanh Mai	- nt -
91	CN. Lương Thị Thu Giang	- nt -
92	CN. Vũ Thị Cẩm Doanh	- nt -
93	CN. Trần Thùy Dương	- nt -
94	ThS. Nguyễn Thanh Xuân	- nt -
95	CN. Lê Thị Thu Hằng	- nt -
96	CN. Đỗ Thị Thu Huyền	- nt -
97	CN. Đỗ Thị Lan Anh	- nt -
98	BS. Hoàng Thị Duyên	- nt -
99	TS. Nguyễn Hùng Cường	Bộ môn Vi sinh vật
100	Ths. Hoàng Thị Hải Yến	- nt -
101	ThS. Trần Thị Vượng	- nt -
102	BS. Phạm Thị Tâm	- nt -
103	KTV. Nguyễn Quang Huy	- nt -
104	KTV. Nguyễn Kim Thanh	- nt -
105	TS. Hà Thị Bích Ngọc	- nt -
106	BS. Trịnh Thị Hằng	- nt -
107	Ths. Nguyễn Bảo Trân	Bộ môn Giải phẫu
108	BS. Hoàng Sơn Lâm	- nt -
109	BS. Nguyễn Thế Hùng	- nt -
110	KTV. Cao Thị Thạch	- nt -
111	KTV. Hoàng Văn Tân	- nt -
112	Ths. Phạm Thành Nguyên	- nt -
113	KTV. Phạm Thị Dung	- nt -
114	CN. Nguyễn Thị Lương	- nt -
115	PGS. TS. Nguyễn Văn Hùng	Khoa Dược học

116	DS. Lưu Quang Huy	- nt -
117	Ths. Nguyễn Thị Thu Hương	- nt -
118	ThS. Nguyễn Thị Thu Phương	- nt -
119	ThS. Phạm Thúy Hằng	- nt -
120	KTV. Phan Hoàng Giang	- nt -
121	KTV. Phạm Thị Thu Hằng	- nt -
122	ThS. Cao Đức Tuấn	- nt -
123	KTV. Tạ Thị Hằng	- nt -
124	Ths. Phạm Văn Trường	- nt -
125	Ths. Nguyễn Thị Mai Loan	- nt -
126	DS. Trần Thị Ngân	- nt -
127	DS. Lê Thị Thùy Linh	- nt -
128	Ths. Bùi Hải Ninh	- nt -
129	ThS. Phạm Thị Anh	- nt -
130	KTV. Trần Thị Lương	- nt -
131	ThS. Ngô Thị Thu Hằng	- nt -
132	KTV. Phạm Phương Dung	- nt -
133	ThS. Ngô Thị Quỳnh Mai	- nt -
134	KTV. Lưu Thị Thu Huyền	- nt -
135	KTV. Đào Thị Bích Ngọc	- nt -
136	DS. Ninh Thị Kim Thu	- nt -
137	DS. Nguyễn Thanh Tâm	- nt -
138	KTV. Trần Thị Hường	- nt -
139	BS. Nguyễn Thùy Linh	Bộ môn ĐĐYH - HYGĐ
140	Ths. Nguyễn Thị Thúy Hiếu	- nt -
141	TS. Đinh Thị Thanh Mai	Bộ môn Ký sinh trùng
142	Ths. Vũ Văn Thái	- nt -
143	Ths. Võ Thị Thanh Hiền	- nt -
144	BS. Nguyễn Thị Minh Hoa	- nt -
145	KTV. Lại Thị Thanh Thủy	- nt -
146	KTV. Nguyễn Thị Mùi	- nt -
147	KTV. Bùi Thị Hồng ánh	- nt -
148	PGS. TS. Nguyễn Văn Mùi	Bộ môn Sinh lý
149	Ths. Vũ Thành Đông	- nt -
150	KTV. Vũ Thị Như Quỳnh	- nt -
151	KTV. Nguyễn Thị Minh	- nt -
152	KTV. Trần Thị Thương	- nt -
153	Ths. Nguyễn Văn Tâm	Bộ môn Y học biển
154	ThS. Phùng Chí Thiện	- nt -
155	ThS. Nguyễn Văn Thành	- nt -

156	BS. Đỗ Thị Hải	- nt -
157	BS. Đoàn Thị Phương	- nt -
158	Ths. Phạm Văn Tuy	Bộ môn Giải phẫu bệnh - Y pháp
159	CNCĐ. Lê Tất Toàn	- nt -
160	BS. Bùi Cao Cường	- nt -
161	TS. Vũ Sĩ Kháng	Bộ môn Mô phôi
162	BS. Nguyễn Thị Nhị	- nt -
163	KTV. Hoàng Văn Chính	- nt -
164	KTV. Phạm Thị Thái	- nt -
165	BS. Khổng Thị Vân Anh	- nt -
166	BS. Đỗ Đình Tiệp	- nt -
167	BS. Phạm Thùy Linh	- nt -
168	BS. Nguyễn Thị Phương Thảo	Bộ môn U bướu
169	BS. Nguyễn Đức Hưng	- nt -
170	Ths. Bùi Hoàng Tú	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh
171	Ths. Phạm Quốc Thành	- nt -
172	KTV. Nguyễn Thành Công	- nt -
173	BS. Nguyễn Văn Long	- nt -
174	BS. Nguyễn Văn Thúc	- nt -
175	Ths. Ngô Văn Dũng	Bộ môn Thần kinh
176	Ths. Đào Thị Hồng Hải	- nt -
177	Ths. Nguyễn Tuấn Lượng	- nt -
178	BS. Chu Thị Thuận	- nt -
179	Ths. Nguyễn Quang Đạo	Bộ môn Tai Mũi Họng
180	BS. Trần Thị Thanh Thuý	- nt -
181	Ths. Phùng Thị Vân Anh	- nt -
182	BS. Trần Thị Hồng Hạnh	- nt -
183	BS. Phùng Thị Hoà	- nt -
184	Ths. Tạ Hùng Sơn	- nt -
185	Ths. Phạm Thị Vân Anh	Bộ môn Truyền nhiễm
186	Ths. Trần Thị Liên	- nt -
187	BS. Nguyễn Thị Phương	- nt -
188	BS. Hoàng Thị Thía	- nt -
189	BS. Trần Thị Thoa	- nt -
190	Ths. Nguyễn Văn Hà	Bộ môn Da liễu
191	ThS. Đào Minh Châu	- nt -
192	BS. Hoàng Thị Làn	- nt -
193	BS. Nguyễn Thị T. Thanh Huyền	- nt -
194	PGS. TS. Đỗ Thị Tính	Bộ môn Nội
195	BSCKII. Ngô Văn Điển	- nt -

196	Ths. Vũ Thị Thu Trang	- nt -
197	BS. Vũ Mạnh Tân	- nt -
198	Ths. Lê Thị Diệu Hiền	- nt -
199	Ths. Kê Thị Lan Anh	- nt -
200	BS. Đỗ Quang Tùng	- nt -
201	ThS. Nguyễn Ngọc Anh	- nt -
202	ThS. Bùi Hồng Nhung	- nt -
203	BS. Đoàn Thị út	- nt -
204	BS. Đỗ Thị Thanh Loan	- nt -
205	KTV. Nguyễn Thị Phúc Hạnh	- nt -
206	BS. Phạm Chính Nghĩa	- nt -
207	Ths. Vũ Văn Tuý	Bộ môn Phục hồi chức năng
208	Ths. Bùi Thị Bích Ngọc	- nt -
209	BS. Đoàn Thị Thanh Hà	- nt -
210	BS. Nguyễn Thị Thanh Nga	- nt -
211	BS. Nguyễn Thị Ngọc Thủy	- nt -
212	Ths. Nguyễn Thị Thu Trang	Bộ môn Mắt
213	ThS. Trương Khánh Mỹ Hằng	- nt -
214	BS. Đỗ Khánh Linh	- nt -
215	BS. Bùi Thị Dịu	- nt -
216	PGS. TS. Phạm Văn Duyệt	Bộ môn Ngoại & PTTH
217	BSCKII. Nguyễn Ngọc Hùng	- nt -
218	BSCKII. Nguyễn Trọng Hưng	- nt -
219	Ths. Phạm Xuân Hùng	- nt -
220	Ths. Nguyễn Mạnh Thắng	- nt -
221	Ths. Đặng Đình Minh Thanh	- nt -
222	Ths. Phạm Văn Thương	- nt -
223	BSNT. Ngô Bình Nguyên	- nt -
224	BS. Nguyễn Đức Tiến	- nt -
225	BS. Nguyễn Thị Thành	- nt -
226	BS. Phạm Quốc Hiệu	- nt -
227	BS. Nguyễn Trung Thành	- nt -
228	KTV. Vương Ngọc Hân	- nt -
229	KTV. Nguyễn Thị Bắc	- nt -
230	PGS. TS. Phạm Văn Liệu	Khoa Răng Hàm Mặt
231	BS. Nguyễn Minh Tuân	- nt -
232	KTV. Vũ Thị Hậu	- nt -
233	BSCKI. Nguyễn Văn Hợi	- nt -
234	ThS. Đồng Thị Mai Hương	- nt -
235	BS. Đỗ Quốc Uy	- nt -

236	KTV. Nguyễn Thị Phương	- nt -
237	BS. Lương Xuân Quỳnh	- nt -
238	BS. Vũ Thị Xuân	- nt -
239	KTV. Lưu Bảo Linh	- nt -
240	KTV. Tăng Thị Thu Hương	- nt -
241	ThS. Trần Thị An Huy	- nt -
242	BS. Nguyễn Thị Thu Hà	- nt -
243	BS. Nguyễn Thị Ninh	- nt -
244	KTV. Đặng Thị Hiền	- nt -
245	Ths. Vũ Quang Hưng	- nt -
246	BS. Nguyễn Đức Tín	- nt -
247	KTV. Nguyễn Thị Thu Huyền	- nt -
248	BS. Đoàn Trung Hiếu	- nt -
249	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	Bộ môn Y học cổ truyền
250	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	- nt -
251	BSCKI. Đoàn Mỹ Hạnh	- nt -
252	KTV. Lê Thị Duyên Hà	- nt -
253	BS. Lê Ngọc Sơn	- nt -
254	BS. Nguyễn Thị Thúy	- nt -
255	BS. Khúc Thị Song Hương	- nt -
256	BS. Phạm Hải Dương	- nt -
257	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng	Bộ môn Nhi
258	PGS. TS. Đinh Văn Thúc	- nt -
259	TS. Đặng Văn Chúc	- nt -
260	TS. Vũ Văn Quang	- nt -
261	Ths. Trần Thị Thẩm	- nt -
262	BS. Nguyễn Bùi Bình	- nt -
263	BS. Chu Thị Hà	- nt -
264	BS. Trần Thị Hải Yến	- nt -
265	KTV. Nguyễn Đăng Đông	- nt -
266	BS. Hà Thị Thu Huyền	- nt -
267	BS. Nguyễn Thị Trang	- nt -
268	BS. Nguyễn Việt Hà	- nt -
269	BS. Trần Đức Tâm	- nt -
270	ThS. Đinh Dương Tùng Anh	- nt -
271	Ths. Ngô Thị Uyên	Bộ môn Sản - Phụ khoa
272	Ths. Bùi Thị Minh Thu	- nt -
273	Ths. Nguyễn Thị Hoàng Trang	- nt -
274	BS. Nguyễn Thị Mai Phương	- nt -
275	BS. Đỗ Quang Anh	- nt -

276	ThS. Thái Thanh Huyền	- nt -
277	KTV. Nguyễn Thị Hương Quế	- nt -
278	BS. Lê Anh Nam	- nt -
279	BS. Nguyễn Thị Việt Anh	- nt -
280	BS. Nguyễn Thu Trang	- nt -
281	BS. Bùi Văn Hiếu	- nt -
282	PGS. TS. Phạm Văn Hán	Khoa Y tế công cộng
283	TS. Dương Thị Hương	- nt -
284	BS. Nguyễn Quang Đức	- nt -
285	KTV. Nguyễn Thị Bình	- nt -
286	TS. Phạm Minh Khuê	- nt -
287	Ths. Hoàng Thị Giang	- nt -
288	ThS. Nguyễn Thanh Hải	- nt -
289	KTV. Bùi Thị Hương	- nt -
290	BS. Hoàng Thị Hoa Lê	- nt -
291	Ths. Nguyễn Thị Thanh Bình	- nt -
292	ThS. Chu Khắc Tân	- nt -
293	Ths. Nguyễn Thị Thắm	- nt -
294	Ths. Nguyễn Thị Thuỳ Linh	- nt -
295	BSCCKII. Nguyễn Bá Dụng	- nt -
296	Ths. Trần Thị Bích Hồi	- nt -
297	Ths. Phạm Thị Minh Tâm	- nt -
298	Ths. Trần Thị Thúy Hà	- nt -
299	BS. Lê Trần Tuấn Anh	- nt -
300	PGS. TS. Trần Quang Phục	Bộ môn Lao - Bệnh phổi
301	TS. Nguyễn Huy Điện	- nt -
302	Ths. Nguyễn Đức Thọ	- nt -
303	BS. Trương Trung Kiên	- nt -
304	TS. Phạm Văn Mạnh	Bộ môn Tâm thần
305	Ths. Nguyễn Quang Đại	- nt -
306	BS. Lê Sao Mai	- nt -
307	Ths. Vương Thị Thuỷ	- nt -
308	BS. Trịnh Quốc Việt	- nt -
309	PGS. TS. Phạm Văn Nhiên	Phòng Tổ chức cán bộ
310	Ths. Nguyễn Thị Kim Loan	- nt -
311	Ths. Đoàn Như Thắng	- nt -
312	Ths. Trần Thị Hương	- nt -
313	ThS. Vũ Quang Tuyên	- nt -
314	CN. Phạm Thị Thanh Dung	- nt -
315	Ths. Nguyễn Thị ánh Tuyết	Phòng Hành chính tổng hợp

316	Vũ Đình Hợp	- nt -
317	Vũ Thị Kim Xuân	- nt -
318	CN. Vũ Ngọc Đức	- nt -
319	CN. Nguyễn Thị Thanh Hằng	- nt -
320	LTV. Hoàng Thị Thanh Tâm	- nt -
321	CN. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	- nt -
322	KTV. Phạm Thị Thía	- nt -
323	CN. Nguyễn Thành Chung	Phòng Công tác chính trị
324	CNTC. Bùi Minh Khuê	- nt -
325	CN. Nguyễn Thành Trung	- nt -
326	TS. Nguyễn Văn Khải	Phòng Đào tạo đại học
327	Ths. Nguyễn Hải Ninh	- nt -
328	BS. Đặng Văn Minh	- nt -
329	CN. Vũ Thị Hải Bình	- nt -
330	CN. Vũ Thị Hường	- nt -
331	CN. Đỗ Thị Duyên	- nt -
332	ThS. Nguyễn Thị Lan Anh	- nt -
333	CN. Nguyễn Thị Quỳnh Nhung	- nt -
334	BS. Bùi Lê Tuấn	- nt -
335	ĐDTH. Phan Thị Huyền Trang	- nt -
336	CN. Lê Tiến Thành	- nt -
337	CNCĐ. Phạm Thị Hường	- nt -
338	ThS. Đỗ Thị Hoài	Phòng QLKH - HTQT
339	CN. Nguyễn Thị Thu Phương	- nt -
340	CN. Đồng Thị Phương Thúy	- nt -
341	CN. Nguyễn Thị Hoa	- nt -
342	BS. Phạm Tuấn Việt	- nt -
343	ThS. Đoàn Văn Nghĩa	Phòng Vật tư - Trang thiết bị
344	KS. Nguyễn Thành Tùng	- nt -
345	CNCĐ. Nguyễn Thị Minh Phượng	- nt -
346	Ths. Nguyễn Ngọc Quỳnh	- nt -
347	CS. Đỗ Thị Hồng Thẩm	- nt -
348	CNCĐ Lê Tất Thanh Hương	Tổ Công nghệ thông tin
349	CN. Nguyễn Hoàng	- nt -
350	KS. Phùng Duy Thành	- nt -
351	KS. Ngô Duy Chinh	- nt -
352	CN. Hoàng Thị Ngọc	Trung tâm Thông tin - Thư viện
353	Ths. Nguyễn Thị Hồng Nhung	- nt -
354	CN. Phan Thị Sơn	- nt -
355	KS. Nguyễn Thị Vân Anh	- nt -

356	CN. Phạm Huy Hoàng	- nt -
357	ThS. Nguyễn Thị Tuyết	Phòng Đào tạo Sau đại học
358	Ths. Nguyễn Hồng Quang	Phòng Tài chính kế toán
359	CN. Nguyễn Thị Thuỳ Dương	- nt -
360	CN. Trần Thị Hảo	- nt -
361	CN. Phạm Thị Thu Hằng	- nt -
362	CN. Dương Thị Hồng Vân	- nt -
363	CN. Nguyễn Mạnh Hùng	Phòng Quản trị
364	Bà Trần Thị Sa	- nt -
365	Ông Phạm Minh Tuấn	- nt -
366	Ông Đoàn Long Khánh	- nt -
367	Ông Ngô Duy Thiển	- nt -
368	Ông Bùi Mạnh Tùng	- nt -
369	Ông Đồng Văn Trung	- nt -
370	CN. Vũ Thị Thu Thương	- nt -
371	CN. Đỗ Văn Hiến	Ban Quản lý KTX
372	CN. Lê Hồng Phong	- nt -
373	Bà Bùi Thị Thùy Dương	- nt -
374	CN. Nguyễn Văn Giang	- nt -
375	KS. Vũ Tiến Thành	Ban Quản lý DAXD
376	CN. Phạm Thị Thủy	Ban Khảo thí - QLCLGD
377	ThS. Lữ Thị Xinh	- nt -
378	CN. Trần Thị Vân Anh	- nt -
379	CN. Phạm Thị Chang	- nt -
380	KTV. Trần Lưu Ly	- nt -
381	Ths. Vũ Thị Mai Anh	- nt -
382	CN. Trần Quốc Trình	Văn phòng Đảng uỷ
383	KS. Phạm Thị Bích Phượng	- nt -
384	CN. Mai Thúy Nga	Trung tâm Đào tạo thường xuyên
385	CN. Bùi Thị Việt Hồng	- nt -